

chỉ làm thỏa mãn được giới thiểu số, tức địa chủ, quan lớn, quân nhân, thương nhân, kỹ nghệ gia, còn giới tối đại đa số, tức nông dân, thợ thuyền thì gần như bị bỏ rơi, Tưởng đã không theo đường lối của Tôn Văn.

Văn học.

Khi Tưởng Giới Thạch lên cầm quyền, dân chúng phấn khởi, lần này thì phải có nhiều sự thay đổi. Bọn thanh niên tân tiến rất hăng hái, kiến thiết quốc gia. Có bao nhiêu vấn đề phải bàn, từ chính trị đến kinh tế, văn hóa, xã hội. Phe tiểu tư sản chống với phe “vô sản” (cũng là tiểu tư sản, nhưng theo cộng, làm cách mạng vô sản), không khí thật sôi nổi.

Tình hình xã hội biến chuyển mạnh. Năm 1920, nội 11 tỉnh (trên 18 tỉnh) mà đã có non 1 triệu 800 ngàn mẫu ruộng bỏ hoang, năm 1928 số ruộng bỏ hoang toàn quốc chắc phải hơn nhiều. Đã vậy mà từ 1931, liên tiếp ba năm, Trung Hoa bị nạn lụt lớn, mỗi lần có cả chục tỉnh mất mùa, hàng trăm ngàn mẫu bị thiệt hại.

Nông dân đói, phải bỏ làng ra tỉnh. Riêng huyện Định ở Hà Bắc, trong ba tháng đầu năm 1934 trên 15.000 người (4% tổng số dân) bỏ làng. Có huyện nông dân bỏ làng tới 60% số dân cày. Chính phủ không hề làm gì để cải thiện tình trạng. Bọn dân bỏ làng ấy phần lớn ra tỉnh làm trong các xí nghiệp ngoại quốc, tình cảnh rất khốn khổ, làm 12 giờ một ngày mà chỉ vừa đủ ăn cho khỏi chết, và sống chui rúc trong các ổ chuột. Mà để gì kiếm được việc làm, năm 1935 có 5 triệu 9 trăm ngàn người thất nghiệp, trung bình 6 người lao động có 1 người thất nghiệp!

Những biến chuyển đó làm lung lay chế độ đại gia

đình. Dân bỏ làng ra tỉnh làm ăn, không trông cậy gì ở cha mẹ anh em nữa, giao thiệp với những người tứ xứ cũng tha phương cầu thực như họ, do đó quan niệm gia tộc mất dần, mà tiểu gia đình hóa ra quan trọng hơn đại gia đình. Chồng làm không đủ nuôi cả gia đình, vợ phải làm thêm, có khi con cái 10-12 tuổi cũng theo cha mẹ vô xướng, phụ nữ đã độc lập về kinh tế, không chịu một địa vị phụ thuộc nữa, con cái thì khi kiếm được tiền rồi cũng muốn được tự do, thoát li gia đình. Đứng vào lúc đó, nhiều sinh viên ở Âu Mỹ về, dùng bạch thoại để truyền bá những tư tưởng tự do, bình đẳng, đã đảo những quan niệm trung hiếu tiết nghĩa, những truyền thống tam cương ngũ thường. Cái giá trị cũ bị lật đổ, mà chưa có gì thay vào, người ta có cảm giác sống trong một xã hội hỗn loạn. Do đó, văn hóa dao động một cách kịch liệt, chưa từng thấy, mà văn học phát triển rất mạnh.

Cuối chương trên tôi đã nói năm 1927, về văn hóa có hai phe hữu và tả.

Trong giai đoạn 1927-1938, hai phe đó chống đối nhau dữ dội, và xuất hiện thêm hai phe nữa ở giữa :

. Phe tả vẫn là Quách Mạt Nhược, Lỗ Tấn, họ bị Tưởng Giới Thạch đàn áp, Quách Mạt Nhược phải trốn qua Nhật. Lỗ Tấn vì có tài, mà chỉ có tư tưởng xã hội thôi chứ không vô đảng, nên được yên.

. Phe hữu gồm Hồ Thích, Từ Chí Ma...

Trong cái cuộc bút chiến về lý thuyết văn học, về mục đích vị nhân sinh hay vị nghệ thuật, phe tả vì đoàn kết hơn, có tinh thần chiến đấu mạnh hơn, kiên trì hơn, nhất là có giọng sắc bén, quyết liệt, nên thắng

phe hữu. Nhưng có uy tín trong giới độc giả thì vẫn là những tờ báo của phe hữu hoặc trung lập.

. Phe độc lập gồm Lâm Ngữ Đường, Chu Tác Nhân, em Lỗ Tấn (tức Chu Thụ Nhân).

. Phe trung đạo gồm Mao Thuần, Lão Xá, Ba Kim... (Mao Thuần trong giai đoạn này chỉ có cảm tình với phe Tả mà còn giữ tư tưởng độc lập, không theo sát đường lối của Đảng Cộng sản)

Chủ trương của hai phe hữu tả, chúng ta đã biết rồi : hữu là của Quốc dân đảng mà tả là của Cộng sản đảng, còn hai phe Độc lập và Trung lập khác nhau ra sao ?

Theo chỗ tôi hiểu thì phe Độc lập mà kiện tướng là Lâm Ngữ Đường thờ cá nhân chủ nghĩa, chống thứ văn học tuyên truyền bất kỳ của phe nào. Chu Tác Nhân, cũng như Lâm, ghét sự tàn bạo, độc tài bất kỳ trong khu vực nào, cả hai đều hoàn toàn độc lập, có tinh thần tài tử.

Còn phe Trung đạo khá đông gồm nhiều cây bút có tài, hơi thiên tả, cũng bất mãn xã hội, cũng chống Quốc dân đảng, nhưng không dùng văn nghệ để tuyên truyền. Họ có tư tưởng tiến bộ, lưu lại được nhiều tác phẩm có giá trị.

Dưới đây tôi giới thiệu vắn tắt ba tiểu thuyết gia có tài nhất trong giai đoạn 1927-1937.

- Mao Thuần, sinh năm 1896 ở Chiết Giang, học ở Bắc Kinh đại học, sau cùng với Trịnh Chấn Đạt, Chu Tác Nhân lập Hội nghiên cứu Văn học ở Bắc Kinh.

Năm 1927 hay 28 lên Thượng Hải xuất bản bộ *Thực gần ba cuốn. Áo diệt, Động dao, Trung cầu*, tả sự thất bại của Cách mạng cộng sản cách mạng 1925-1928¹ rất được hoan nghênh. Ông nhận xét đúng, có giọng bi quan, nên bị Cộng sản chỉ trích. Mặc dầu có vài đoạn xây dựng vụng, văn không điêu luyện như văn Lỗ Tấn, nhưng cũng đáng kể là truyện dài đầu tiên thành công viết về xã hội Trung Hoa trong những năm biến chuyển mạnh đó.

- Ba Kim (tên thực là Lý Phế Cam) Ba Kim là âm đầu của Bakunine, và âm cuối của Kropotkine ghép lại - Bakunine và Kropotkine là hai nhà cách mạng Nga - Ông sinh năm 1905 ở Thành Đô (Tứ Xuyên)

Hồi 15 tuổi qua Paris học, rất phục Rousseau, Robespierre. Năm 1929 về nước, ông viết rất nhiều truyện dài, truyện ngắn. Đề tài chính của ông là vận động cách mạng, đả đảo chế độ đại gia đình. Thành công nhất là bộ *Kích lưu tam bộ khúc* gồm ba cuốn : *Gia, Xuân, Thu*, trong đó ta thấy ông căm phẫn và oán đại gia đình. Văn mạnh mẽ, linh động.

- Lão Xá sanh năm 1897 ở Bắc Kinh, học ở Đại học Bắc Kinh rồi qua Anh học, năm 1930 về nước vừa dạy học vừa viết tiểu thuyết. Thành công nhất là truyện *Lạc đà Tường Tử* (Người phu xe Tường Tử) trong đó ông vạch sự thất bại của những chiến đấu cá nhân, và cho rằng muốn thắng thì phải đoàn kết nhau lại, làm cách mạng, cũng như một con châu chấu thì đứa trẻ nào cũng bắt được nó, cột chân nó vào sợi chỉ đến bay

(1) Cũng như Lỗ Tấn thất vọng về cách mạng Tân hợi 1911, André Malraux cũng tả sự thất bại đó trong cuốn *La Condition humaine*

nó cũng không bay được nữa, “nhưng nếu nó hợp nhau thành từng đoàn ào tới từng đám thì phải biết, chỉ một loạt là chúng phá hoại hết cả mùa màng, không ai ngăn cản chúng được”. Truyện có tính cách hiện thực sâu sắc về tâm lý bố cục chặt chẽ, lời văn mạnh mẽ, hóm hỉnh, các nhà phê bình dù tả hay hữu đều nhận là một trong vài truyện hay nhất của văn học Trung Hoa hiện đại.

E- BẢO VỆ DÂN TỘC

Xóa bỏ các điều ước bất bình đẳng.

Đứng hàng đầu trong tam dân chủ nghĩa là chủ nghĩa dân tộc, giành lại quyền tự do, độc lập đã bị liệt cường xâm phạm, cho nên trong lời di chúc, Tôn Văn dặn phải gấp trừ bỏ các hiệp ước bất bình đẳng. Việc đó không thể dùng ngoại giao xin xỏ mà được. Nước mà mạnh, dân mà đoàn kết thì chẳng cần phí sức cũng thành công.

Sau vụ Ngũ táp vận động (30.5.1925), tức cuộc vận động phản đế của toàn dân Trung Hoa, tiếp theo là vụ tẩy chay hàng ngoại quốc ở Quảng Châu tháng 6 năm đó rồi từ đó các vụ dân tộc vận động tiến triển không ngớt, bỗng một lạ thường, người Anh thấy vậy biết rằng Trung Quốc thời này không như Trung Quốc thời Thanh nữa, nên chủ trương phải thay đổi thái độ. Ở Mĩ, Bỉ, Tây Ban Nha cũng có khuynh hướng như thế, rất lợi cho chính phủ Trung Hoa tranh đấu để hủy bỏ các hiệp ước bất bình đẳng. Chúng ta đã biết sáu nước : Anh, Pháp, Mĩ, Đức, Nhật, Nga lập một ngân hàng đoàn để cùng nhau cho Trung Quốc vay những số tiền lớn, họ quyết định với nhau bắt Trung Quốc có việc gì thì

không được giao thiệp thẳng với một nước nào mà phải giao thiệp với cả 6 nước. Lệ cộng đồng hành động của 6 nước đó, sau vụ Ngũ táp được họ tự ý bãi bỏ. Đó là một thắng lợi do quốc dân tặng chính phủ.

Sau khi cách mạng Nga 1917 thành công, nhiều lần chính phủ Nga tuyên ngôn bãi bỏ các hiệp ước bất bình đẳng mà Nga Hoàng đã ký với Trung Quốc. Năm 1923, đại biểu Nga và chính phủ Bắc Kinh ký một hiệp định đại khái thi hành đúng việc bãi bỏ đó, và thừa nhận Ngoại Mông là một bộ phận của lãnh thổ Trung Hoa dân quốc, tôn trọng chủ quyền của Trung Hoa ở đất ấy. Việc ấy cũng tạo một thế thuận lợi cho Trung Hoa trong sự bang giao với liệt cường. Nhưng từ khi Tưởng cầm quyền, diệt cộng thì do nhiều xích mích mà Nga và Trung Hoa tuyệt giao với nhau.

Suốt trong mấy năm 1928- 1931, bộ trưởng ngoại giao của Chính phủ Dân Quốc, Vương Chính Đình, tốt nghiệp Đại học Yale (ở Mỹ), gắng sức giao thiệp với các nước Tây phương để thu hồi quyền của dân tộc, và thành công ít nhiều.

Về việc các tô giới và các đất tô tá, Anh chỉ mới trả Trấn Giang, Uy Hải Vệ, Hạ Môn, Cỏ Lãnh, Bỉ trả ở Thiên Tân. Về quan thuế, năm 1928, Chính phủ Dân quốc tuyên ngôn sẽ lập lại điều ước về quan thuế với các nước, theo nguyên tắc quan thuế hoàn toàn tự chủ. Mĩ thừa nhận việc đó và ký lại điều ước về quan thuế, tiếp theo là Na Uy, Hà Lan, Thụy Điển, Anh, Pháp, mỗi nước ký một điều ước riêng. Nhật ký sau cùng năm 1930. Như vậy là Trung Hoa cởi được sự trói buộc của liệt cường từ 80 năm trước.

Sau cùng, Trung Hoa cũng đòi bỏ quyền lãnh sự

tài phán của liệt cường nữa, yêu cầu các nước lập lại điều ước bình đẳng mới. Một số nước : Bỉ, Tây Ban Nha, Bồ Đào Nha, Đan Mạch chịu lập tân ước bỏ quyền lãnh sự tài phán. Các nước lớn Anh, Mĩ, Pháp... viện lẽ điều ước cũ chưa hết hạn, chưa chịu bỏ. Năm 1929, chính phủ Dân Quốc ban bố lệnh : “Từ ngày 1 tháng 1 năm 1930, người ngoại quốc kiều cư ở Trung Quốc mà hiện còn quyền lãnh sự tài phán đều phải nhất luật tuân giữ những pháp lệnh của chính phủ trung ương và chính phủ địa phương...”. Thật là một quyết định mạnh mẽ. Ba Lan, Hi Lạp, Tiệp Khắc, Thổ Nhĩ Kỳ chịu ký ngay điều ước mới.

Còn những nước khác. Anh, Mĩ, Pháp, vẫn làm lơ. Việc chưa được giải quyết dứt khoát thì Nhật gây hấn với Trung Hoa, rồi đánh chiếm Trung Hoa, tiếp theo là thế chiến thứ nhì, người ta đồng tình tạm hoãn lại vụ đó.

Mãi đến ngày 1.1.1942. Mĩ nhảy vào vòng chiến với Đức, Ý, Nhật, cần có sự hợp tác của Dân Quốc ở Đông Á để diệt Nhật nhận Trung Hoa vào hàng tứ cường (Mĩ, Anh, Nga, Hoa), và ngày Quốc khánh của Trung Hoa. (01.10) năm đó, Anh, Mĩ tuyên bố hủy hết các điều ước bất bình đẳng, lập điều ước mới, Hà Lan, Bỉ, làm theo (Pháp thời đó, dưới chính phủ Pétain, đứng về phe Đức, Ý, Nhật). Vậy là tất cả các quyền lãnh sự tài phán, quyền sứ quán khu và trú binh, tô giới, quyền hàng hành trên các sông, nhất luật triệt bỏ hết.

Chỉ còn Cửu Long là Anh chưa chịu trả, viện lẽ Cửu Long liên Hương Cảng, rất quan hệ cho Hương Cảng, không thể trả ngay được. Trung Hoa tạm thời

nhượng bộ, đợi khi nào hết hạn, thu hồi Hương Cảng sẽ thu hồi luôn Cửu Long. Trước cuối thế kỉ này sẽ hết hạn thuê Hương Cảng, chưa biết Anh và Trung Cộng sẽ giải quyết ra sao để có lợi cho cả hai bên⁽¹⁾: nhờ Hương Cảng mà Trung Cộng thu được khá nhiều ngoại tệ, bán được nhiều hàng hóa. Còn bao nhiêu nước khác thì đều ký điều ước mới hết. Chỉ về mỗi điểm đó trong chủ nghĩa tam dân là anh hồn Tôn Văn được thỏa mãn.

Chống xâm lăng - Nhật chiếm Mãn Châu.

Gần cuối đời, Tôn Văn có ý muốn hợp tác với Nhật để Trung Hoa mau cường thịnh, mà cùng với Nhật đuổi hết người da trắng ra khỏi Đông Á. Chẳng riêng ông mà nhiều nhà ái quốc của mình cũng nghĩ như vậy. Mãi đến thế chiến thứ nhì chúng ta mới thấy thực dân da vàng cũng tàn bạo như thực dân da trắng.

Từ khi Nhật thắng Trung Hoa năm 1894, nhất là từ khi họ thắng Nga năm 1905 thì họ coi Trung Hoa là một miếng mồi cực ngon, khi nào Âu Mĩ vì những việc cấp bách hơn, không chú ý vào Châu Á được thì Nhật nắm ngay lấy cơ hội, dớp một miếng ở Trung Hoa, Âu Mĩ phản ứng mạnh thì họ tạm lùi để chờ cơ hội khác vồ mồi..

Họ không muốn cho Trung Quốc thống nhất, vì Trung Quốc sẽ mạnh lên, họ khó thực hiện được ý muốn. Luôn luôn họ kiếm cách gây với chính phủ Quốc Dân để chiếm đất, viện cớ này cớ nọ, không có cớ thì họ tạo ra một vụ lòi thối nhỏ nhất, một quân nhân của họ bị giết, một chuyến xe lửa của họ nổ tung vì

(1)Gần đây Trung Quốc và Anh đã thỏa thuận, Anh giao Hồng Kông vào năm tới (1997) (BT)

mìn (của họ đặt)... để đổ bộ lục quân, hải quân lên đất Trung Hoa.

Quan trọng nhất là vụ Mãn Châu. Năm 1928 Trương Tác Lâm, một quân phiệt làm chủ Đông Tam tỉnh (Mãn Châu) như một ông vua. Ông ta giao thiệp với cả Nga, lẫn Nhật, Nhật làm thân với ông, tới khi thấy ông đổi ý, muốn phản mình (có thể vì Trương bỗng nghĩ đến tổ quốc mà trở về với Quốc dân đảng) thì đặt mìn cho chuyển xe lửa chở ông ta nổ tung. Con ông, Trương Học Lương tức thì chống Nhật, đem Đông Tam Tỉnh lệ thuộc vào trung ương, tức chính phủ Quốc Dân.

Nhật bèn ra tay liền tháng 9 năm 1931 đem binh chiếm Thẩm Dương (Moukden), và các thành thị lớn. Trương Học Lương trốn về Trung Hoa, được Tưởng Giới Thạch trọng dụng, cuối năm đó trọn Mãn Châu vào tay Nhật.

Tháng 3 năm sau, Nhật đưa Phổ Nghi lên ngôi, Phổ Nghi bị cách mạng Tân hợi truất ngôi, sau được Nhật bảo vệ, chu cấp để có cơ hội thì dùng tới, từ đó Mãn Châu không còn là Đông Tam Tỉnh nữa mà thành Mãn Châu quốc. Mọi việc từ hành chánh đến võ bị, từ nội trị đến ngoại giao đều do Nhật lo cho hết.

Tưởng Giới Thạch đưa vụ đó ra Hội Vạn quốc. Hội đề nghị một phái pháp không làm vừa lòng bên nào hết, và Nhật rút chân ra khỏi hội (1933). Hội chẳng phản ứng gì cả chỉ đưa ra một thông cáo không thừa nhận Mãn Châu quốc thế thôi.

Sở dĩ họ bèn vực Trung Hoa một cách yếu ớt như vậy có lẽ vì một số nước cho cuộc xung đột Trung - Nhật thực ra là cuộc xung đột Nhật - Nga : Nhật chiếm

Mãn Châu để làm căn cứ tấn công Nga, chiếm Sibérie. Âu Mĩ không ưa Nga Xô, mặc cho Nhật hành động, và họ còn hy vọng Nhật đụng đầu với Nga sẽ phải vay tiền của họ, có lợi cho họ nữa.

Ở Trung Hoa, phe Cộng, theo Eberhard, mong rằng vụ Mãn Châu đó làm cho chiến tranh Trung Nhật nổ càng sớm càng tốt. Nhật sẽ chiếm được miền Đông Trung Hoa, chắc chắn vậy, mà Tưởng sẽ yếu đi. Cộng sẽ nhờ Nga giúp, lập một Trung Hoa cộng sản, lúc đó sẽ đánh đuổi Nhật ra khỏi cõi.

Tướng g trau lại muốn chiến tranh chậm xảy ra để ông có thì giờ diệt Cộng. Và lập một đạo quân mạnh mẽ. Ông đưa ra chiến lược : Thống nhất quốc gia (nghĩa là diệt Cộng) trước đã rồi hãy kháng Nhật, vì lúc đó mới đủ sức thắng Nhật.

Lúc đó ông có đạo lộ quân thứ 19 huấn luyện kỹ, có kỷ luật, năm 1932, đã làm cho Nhật phải nể mặt. Sau vụ Nhật chiếm Moukden (Thẩm Dương), dân chúng ở Thượng Hải tẩy chay hàng Nhật. Nhật đem 70.000 quân đánh. Đạo lộ quân 19 không dợi lệnh của Tưởng hết sức chống cự, được nhân dân tiếp tế nên tuy ít hơn quân Nhật nhiều, cũng thắng họ được vài trận oanh liệt.¹

Nhưng số quân thiện chiến đó, đem ra chọi với Nhật sẽ tiêu hao lẫn mà không được kết quả gì, nên Tưởng tìm cách hòa hoãn với Nhật nhờ công sứ Anh làm trung gian xin đình chiến cả hai bên đều rút quân ra khỏi Thượng Hải.

Thái độ của Mĩ lưng chừng chỉ lo thủ lợi thôi, bèn

(1) Chính trong vụ này mà nhà Thương Vụ ấn thư quán ở Thượng Hải chạy rụi với nhiều bộ sách cổ rất quý.

Sau cùng với quân đội cũng phản kháng. Dem họ đi diệt Cộng, họ đào ngũ, nhiều kẻ qua phía cộng, được cộng tiếp đón niềm nở, huấn luyện, thành những chiến sĩ chống Nhật giỏi. Một số quân phiệt như Phùng Ngọc Tường cũng đem quân đội riêng của họ đi đánh Nhật.

Cuối năm 1935, cuộc trường hành của Mao Trạch Đông chấm dứt. Cộng mệt mỏi, làm chủ một miền rộng nhưng nghèo, thừa dân, (chỉ kiểm soát được độ 1 triệu dân) đảng viên chỉ còn 40.000. Họ phải xây dựng lại từ đầu, chia làm nhiều khu tương đối tự trị, chưa tiến lên xã hội chủ nghĩa vội, tạm giữ chế độ tân dân chủ, còn cho dân có những tài sản nhỏ, còn có giai cấp, được tự do làm ăn, xóa bỏ những món nợ cũ cho dân, bỏ thuế ruộng của chủ điền (mà cũng không còn lệ chủ điền cho lãnh canh nữa, ai cũng phải cày cấy lấy) khi nào cần chính phủ mới thu của dân 5% thuế lợi thôi. Từ trước, nhất là từ thời các quân phiệt, nông dân bị chủ điền bóc lột, bị lính cướp bóc, bây giờ thấy sung sướng, coi cộng là những người giải thoát cho họ.

Dân chúng được học tập chính trị, binh bị, được dạy cho cách thức làm ruộng, giữ vệ sinh, được tổ chức thành những đội tự vệ. Nhiều trường được mở để dạy dân cho khỏi mù chữ, lần lần có cả một trường Đại học ở Bảo An, 2000 sinh viên chú trọng nhất vào việc đào tạo sĩ quan cho đạo quân thứ 8 sau này.

Nhân dân ở Thiểm Tây, rồi ở Sơn Tây, Sơn Đông, Hà Bắc thấy không còn họa Cộng sản nữa, mà chỉ thấy họa Nhật Bản nhất là từ khi họ chiếm gần hết Hoa Bắc (1935) nên chỉ mong Quốc, Cộng thỏa hiệp với nhau để kháng Nhật. Hơn nữa cả là bọn người bỏ Mãn Châu về và bọn quân của Trương Học Lương.

Trương được Tưởng Giới Thạch phái lên đóng ở Tây An để bao vây Cộng sản. Thấy Cộng thay đổi khẩu hiệu “Diệt Quốc dân đảng” thành khẩu hiệu “Đoàn kết để diệt Nhật”, hơn nữa thấy đoàn quân của họ ở Thiểm Tây, Cam Túc gồm những lính cũ ở Hoa Nam còn sống sót sau cuộc trường hành, bây giờ hăng hái kháng Nhật, thấy vậy Trương Học Lương và bộ hạ, cả quân lính nữa, không thể nào tuân lệnh của Tưởng : “Diệt bọn đạo tặc đó trước hết” mà lén lút thương lượng với Cộng, cùng với Cộng lập một mặt trận thống nhất để kháng Nhật. Nhật cảnh cáo Tưởng rằng nếu không mau mau diệt Cộng thì Nhật sẽ xóa bỏ các thỏa hiệp đình chiến đã ký.

Vậy là ngày 7.12.1936 Tưởng phải cùng với vài viên tướng và 200 vệ binh bay tới Tây An để dò xét tình hình. Trong ba ngày Trương Học Lương thuyết phục ông không được. Ông ta nghỉ đêm trong một ngôi chùa gần Tây An. Đêm 11.12, Trương dùng 170.000 quân để bắt cóc ông, vệ binh của ông bị bao vây, giết sạch. Ông không kịp mặc áo, thoát ra ngoài được, trốn trong bụi cây ở chân núi, sáng sớm hôm 12.12 bị quân Trương Học Lương bắt, đưa về Tây An.⁽¹⁾ Tin đó làm náo động toàn quốc, người ta sợ ông bị giết mà Trung Quốc lại có nội chiến nữa. Nhật sẽ chiếm thêm đất nữa. Bà Tống Mỹ Linh bay lên Tây An, chịu chung số phận với chồng.

Tướng bị giam 14 ngày. Trong thời gian đó, Chu Ân Lai, một nhân vật quan trọng của Cộng từ Diên An lại, bàn tính với nhóm Trương Học Lương không

(1)Đúng mưu trong vụ Tây An này còn có tướng Dương Hổ Thành, sau năm 1949 Dương bị Tưởng giết cả gia đình và 2 vợ chồng người phụ tá của Dương, số người bị Tưởng giết lên đến 9 người (BT)

nên giết Tưởng mà chỉ cần buộc Tưởng chấm dứt nội chiến để cùng nhau kháng Nhật, thả hết tù chính trị, đặc biệt là tù Cộng sản và tôn trọng những tự do căn bản.

Tưởng đành phải hứa và họ thả ông ta. Ngày 26.12 hai vợ chồng Tưởng bay về Nam Kinh. Trương Học Lương nhận lỗi đã không giữ kỉ luật, sẵn sàng chịu tội, và Tưởng đem Trương về giam ở Nam Kinh, nhưng đối đãi tử tế, hai mươi lăm năm sau mới thả ở Đài Loan.

Vụ đó, mấy bộ sử chữ Hán (tôi có) viết cho học sinh Trung và Đại học miền Quốc dân đảng, đều không nhắc tới. Tôi dùng tài liệu của Pháp : Lucien Bianco, J.J.Brieux, Roger Lévy, và của một học giả Trung Hoa viết bằng tiếng Anh : Tsui Chi.

Vụ Tây An còn là một bí mật. Người ta không hiểu Staline có ra lệnh cho Mao hoặc ít nhất là khuyên Mao để cho Tưởng sống mà chống Nhật, ngăn bớt sức bành trướng của Nhật, có hại cả cho Nga ở biên giới phía đông không.⁽¹⁾

Tưởng bị mất mặt, nhưng ai cũng nhận rằng trước vụ đó ông ta có thái độ can đảm, cứ giữ đường lối tạm hòa hoãn với Nhật để lập lại trật tự trong nước, huấn luyện thêm quân đội dã. Ông hiểu rõ hơn các tướng khác sức mạnh của Nhật và thế yếu của Trung Hoa⁽²⁾. Sau vụ đó ông lại tỏ ra có tư cách : Giữ đúng lời hứa

(1) Theo sách *Cha tôi Đặng Tiểu Bình*, tác giả Mao Mao (con gái Đặng) thì trong vụ này có sự tham gia của Đảng cộng sản Trung Quốc mà người đại diện là Chu Ân Lai (BT)

(2) Nhưng người ta cũng không khỏi tự hỏi nếu không có vụ Tây An này thì Tưởng sẽ còn chịu "chìa khóa" ra cho tới bao giờ

miệng với Cộng : thả các tù Cộng sản ra¹, và chuẩn bị để kháng Nhật.

Mà Mao cũng có thái độ dè dặt hoang : sẵn sàng hợp tác với chính phủ Dân Quốc để thực hiện những nguyên tắc của Tôn Văn mà Cộng sản nhận là cần thiết trong giai đoạn đó, sẵn sàng đình chỉ mọi hành động thù nghịch Quốc dân đảng; giải tán chính phủ để cùng nhau chống Nhật.

Vậy là Quốc và Cộng bắt tay nhau để bảo vệ chủ nghĩa dân tộc. Toàn dân Trung Hoa hoan hô cả Tưởng lẫn Mao. Uy tín danh vọng của Tưởng tăng lên mạnh. Mao được thêm cái lợi là sinh viên, kỹ thuật gia tới Diên An khá đông mà sự mua bán với khu của Tưởng cũng dễ dàng.

F- CHIẾN TRANH TRUNG - NHẬT

Giai đoạn I : Trung Hoa chiến đấu lẻ loi 1937-1941.

Hai năm đầu :

Nhật biết rằng dân tộc Trung Hoa đã đoàn kết sau vụ Tây An, vội vàng chuẩn bị để ra tay trước. Ngày 6-7-1937, sau một vụ tập trận ở ngoại ô Bắc Kinh (lúc này Nhật đã gần như làm chủ năm tỉnh tự trị ở Hoa Bắc do một thỏa hiệp với Hà Ứng Khâm, một tên lính Nhật đi chơi không trở về, Nhật đổ lỗi cho người Trung Hoa đã bắt cóc hắn. Mặc dầu vài giờ sau, tên đó trở về rồi, Nhật cũng làm rùm lên, đòi quân đội Trung Hoa phải rút khỏi vùng đó. Trung Hoa không chịu.

(1) Hình như có một số ít ông cho là nguy hiểm, bị ông sai người ám sát sau khi được thả

Hôm sau quân đội Nhật tiến qua cây cầu bắc qua rạch Lư (Lư cầu kiều - người Âu gọi là cầu Marco Polo), nã súng, quân Trung Hoa bắn lại. Chiến tranh nổ. Chính quyền buộc tướng Song Tche-Yuan (?) phải rút về phía Nam; ông mới đầu do dự, sau vì muốn cho Bắc Kinh khỏi bị tan tành vì bom đạn, nên trong đêm 29-7 ông rút hết quân ra thế là Nhật chiếm được Bắc Kinh mà không mất một viên đạn, tự khoe rằng đã “giữ cho cựu đô cực văn minh của Trung Hoa đó được nguyên vẹn”...

Bắc Kinh là một yếu điểm quân sự, đầu mối của nhiều đường xe lửa từ đó đưa tới Sơn Tây, Hà Nam, Sơn Đông và Giang Tô. Nhật cho tiến quân ngay theo các đường xe lửa về Tây An, Hán Khẩu và Nam Kinh.

Họ tiến rất mau về phía Sơn Đông, Sơn Tây, Tuy Viễn nhờ vài Hán gian hợp tác với họ. Nhưng khi họ tới Thượng Hải, bỏ bom dữ dội, làm chết rất nhiều thường dân, thì họ gặp sự kháng cự mãnh liệt. Tướng đưa các đoàn binh thiện chiến nhất vào đó, chặn quân Nhật được non ba tháng mặc dầu họ đông hơn gấp bội, lại có nhiều phi cơ và chiến xa.

Sau đó Nhật chiếm Nam Kinh, cũng tàn sát dân chúng dã man vô cùng. Tướng đã cho phá đê Hoàng Hà để chặn họ mà kỳ thực chỉ làm chết một triệu dân thôi. Từ Nam Kinh họ ngược dòng sông Dương Tử, uy hiếp Hán Khẩu, trong khi một đạo quân khác theo đường xe lửa để nhập với một đạo quân khác từ Bắc xuống. Họ bị chặn ở Đài Nhi Trang, thua một trận lớn, nhưng vì đông hơn, họ cũng làm cho quân Trung Hoa phải rút lui.

Như vậy là họ làm chủ hết miền ở phía bắc sông Dương Tử. Hán Khẩu, trung tâm kỹ nghệ quan trọng

nhất, chỉ còn trông cậy ở Quảng Châu về việc tiếp tế. Nhật mới đầu ngại chiếm Quảng Châu sẽ đụng chạm tới Anh, nhưng sau thấy ở châu Âu, Anh nhũn với Đức quá (vụ Munich thủ tướng Chamberlain nhượng bộ Hitler tháng 9-1938), họ không lo nữa cứ đánh và Anh không có phản ứng gì cả.

Chiếm được Quảng Châu rồi (nghĩa là chiếm được cả hai đầu con đường từ Bắc xuống Nam), mà con sông Dương Tử cũng bị Nhật kiểm soát, cho nên Hán Khẩu không được tiếp tế, không thể giữ được; Tướng thay đổi chiến lược: “lấy không gian đổi thời gian” bỏ những nơi áp lực của Nhật mạnh, nới rộng trận địa vào hậu phương để kéo dài thời gian mà làm cho quân địch hao mòn.

Ông ra lệnh cho nhân dân rút ra khỏi các thành thị, để nhà trồng vườn không mà lui vào đồng sâu rừng rậm. Ông từ Hán Khẩu bay lên Trùng Khánh, quân đội phải gỡ hết các máy móc, phá hủy các cơ sở, nhà máy theo lên Trùng Khánh.

Vậy là phía Quốc, gồm từ hai triệu đến hai triệu rưỡi quân trong một năm chỉ ghi được hai trận anh dũng, Thượng Hải và Đài Nhi Trang, không chặn được quân Nhật, để họ chiếm hết miền phiên nhiều, giàu có nhất dọc theo bờ biển. Chính Tướng cũng đã tiên đoán rằng sẽ thua đậm.

Về phía Cộng ở Diên An, đạo quân thứ VIII thành lập lại sau cuộc trường hành, chia ra làm nhiều nhóm nhỏ tuyên truyền trong dân chúng. Tổ chức những đội quân du kích như thời trước ở Giang Tây, lan dần ra khắp các tỉnh Thiểm Tây, Cam Túc, Ninh Hạ; còn ở Hoa Trung thì đạo quân thứ IV mới (Tân đệ tứ) gồm

lại những nhóm Cộng sản cũ ở lại An Huy, không theo vô Diên An. Hai đạo quân đó dùng du kích chiến mà đánh phá ở phía sau quân Nhật. Họ can đảm, bền sức, lanh lợi, đạo quân thứ VIII chống giữ được Sơn Tây và Tây An, che chở cho chính phủ Trùng Khánh ở mặt đó, lại đánh lên cả Mãn Châu, Mông Cổ nữa, đạo quân thứ IV hoạt động ở miền Hán Khẩu và thung lũng sông Dương Tử, quấy phá quân Nhật, không để cho chúng yên.

Chính người Nhật cũng phải nhận rằng sau 18 tháng tấn công, họ không làm chủ được trọn một miền nào cả. Hễ họ chiếm được một khu nào thì du kích quân bao vây họ liền. Cách vài cây số hai bên các đường xe lửa là khu vực du kích rồi, cầu thường bị phá, xe lửa bị mìn, tóm lại y như nước ta khi Pháp mới tái chiếm trong những năm 1946-1950.

Ngoài ra, còn phải kể một số tướng giỏi không chịu theo Tưởng lên Trùng Khánh, ở lại kháng Nhật ở Hoa Nam nữa.

Trong mấy năm từ 1938 tới 1946, Trung Hoa phải chiến đấu lẻ loi với Nhật, chỉ được Nga giúp thẳng cho Tưởng một số khí giới, một số Tưởng chia lại một phần cho Cộng.

Khi Nhật đã chiếm cả miền duyên hải rồi, biết rằng Trung Quốc mệnh mông quá, không sao nuốt hết được, nên tỏ vẻ hòa giải, tuyên bố không có tham vọng đất đai chỉ yêu cầu được tự do cư trú và buôn bán ở Trung Hoa, chính phủ Trung Hoa công nhận Mãn Châu quốc... Trung Hoa không chịu.

Đồng thời Nhật tổ chức việc cai trị ở nơi họ chiếm được, và dùng Uông Tinh Vệ lập chính phủ bù nhìn ở

Nam Kinh năm 1940. ⁽¹⁾ Uông tin như Tôn Văn rằng Trung Nhật mà thực tâm hợp tác với nhau thì chỉ trong một thế kỷ sẽ rất mạnh, đuổi hết người da trắng đi mà làm chủ cả Đông Á.

*

* *

Lên Trùng Khánh.

Trùng Khánh ở trên bờ sông Dương Tử, thuộc tỉnh Tứ Xuyên, một tỉnh giàu ở phía Tây, có cánh đồng Thành Đô rất phì nhiêu, nhờ những công trình thủy lợi từ thời Chiến Quốc; có mỏ than, sắt, đồng, muối (cung cấp muối cho các tỉnh chung quanh) có nhiều công nghiệp, nổi tiếng nhất là nghề in từ đời Tống, nhờ nghề in thịnh vượng mà nhiều người có học, và thời trước đã có nhiều thi sĩ nổi danh như Đỗ Phủ, Tô Đông Pha.

Những năm 1938 Trùng Khánh là một thị trấn cổ, ở trên một ngọn đồi, thời đó chỉ có được ba bốn chục chiếc xe hơi, vài nhà xây bằng đá, không có điện thoại. Khí hậu rất ẩm thấp, đêm lạnh quá mà ngày nóng quá. Chung quanh thị trấn cũng không thể cất các nhà máy lớn được vì thiếu đường giao thông, cũng thiếu thị trường nữa. Chỉ được hai cái lợi là lúa đủ nuôi dân, mà Nhật không thể dùng chiến xa tấn công được, chỉ thả bom tàn phá mỗi năm trong mấy tháng mùa xuân và hè thôi.

Từ khi thế chiến bùng nổ, Pháp, Anh thua, Nhật

(1) Cuối năm 1938 Uông ở Trùng Khánh được Tưởng phái xuống Vân Nam, ở đó Uông dùng phi cơ trốn sang Hà Nội rồi 1940, bay lên Thượng Hải tiếp xúc với Nhật.

chiếm Hương Cảng, Hải Nam, Đông Dương, rồi Thái Lan, Miến Điện, thì Trùng Khánh bị bao vây, cách biệt hẳn với thế giới, không nhận được xăng nhớt, khí giới của Anh, Mĩ nữa, vì con đường xe lửa Hải Phòng - Hà Nội - Côn Minh bị Nhật kiểm soát, rồi con đường Miến Điện - Côn Minh cũng bị đóng.

Tướng phải nuôi hai triệu quân mà chỉ trông vào thuế thân và thuế hàng hóa sản xuất trong miền, thì làm sao đủ được. Viện trợ thì như trên đã nói, cho tới năm 1941, rất ít.

Hành chánh rất dở, không biết tổ chức, không biết kiểm soát, cũng không có kế hoạch nữa. Thực phẩm thiếu mà không biết làm thế hạn chế khẩu phần (cartio de rationement), ngoài phân gạo, vợ các công chức trung cấp (hạng tá trở xuống) phải sai người ở ra chợ tranh nhau mới mua được thịt cá...

Thiếu tiền chính phủ đặt ra cả trăm thứ thuế mới kỳ cục, thuế hội hè, thuế san bằng (?) thuế che chở khỏi lạnh (?) thuế số nhà, thuế cửa sổ, thuế về rừng, về dầu (?), thuế hối lộ (?)... lại bắt dân trông thấu như trên đã nói để bán cho Nhật, và hễ thiếu tiền là in thêm giấy bạc, lạm phát tới mức kinh khủng.

Kinh tế như vậy thì công chức tất phải tham nhũng, nạn hối lộ là nạn truyền thống của dân tộc Trung Hoa, thời này phát mạnh hơn hết thấy thời nào khác thành một quốc sách bắt dân gián tiếp trả tiền lương cho công chức. Mua quan bán chức, đi điểm, cờ bạc, cướp bóc..., xã hội cực kỳ sa đọa. Có kẻ kiêm bảy chức vụ lãnh bảy đầu lương, lâu lâu mới tới nhiệm sở 1-2 giờ.

Lạ lùng nhất là không có luật tổng động viên, hễ thiếu lính là người ta ra ngoài đường, vào thôn quê,

gặp ai bắt nấy, lấy dây thừng hoặc dây chì cột lại thành một đoàn, đem về nhốt, có khi không cho ăn uống nữa, rồi chẳng học tập gì cả bị đưa ngay ra mặt trận. Người nào không muốn đi lính thì thuê tiền cho người khác đi thay; kẻ nào trốn thoát được thì thôi, chẳng tìm bắt lại; tìm làm chi cho mất công, lại ra đường phố mà bắt kẻ khác. Trung Quốc có tới non 500 triệu dân mà!

Trong số 2 triệu, 2 triệu rưỡi quân, Tướng cũng có được một số quân giỏi do Đức huấn luyện sau khi Tướng tuyệt giao với Nga, họ được trọng đãi, không thiếu ăn, thiếu mặc, tinh thần cao, như những đạo quân đã thắng Nhật ở Thượng Hải và Đài Nhi Trang. Nhưng đại đa số là lính của bọn quân phiệt sáp nhập vào quân chính phủ, không được luyện tập, chỉ tuân lệnh chủ tướng của mình thôi, mà bọn đốc quân này Tướng không sao cách chức, rút quyền được. Nếu chính phủ phát đủ lương cho quân của bọn đốc quân đó mà họ có thể ăn cấp được bằng cách ghi tên các quân ma, thì họ còn tuân lệnh, và quân của họ còn chịu chiến đấu một chút, nếu không thì họ hoặc ăn cướp, hoặc giao thiệp ngầm với Nhật. Số quân ma sao mà nhiều thế! Đầu chiến tranh Trung Nhật, Tướng có độ hai triệu rưỡi quân, năm nào cũng bắt thêm lính, tới cuối thế chiến tổng số quân cứ tăng đều đều như vậy thì phải lên tới mười một triệu, mà sự thực chỉ có ba triệu rưỡi. Số quân đào ngũ chết vì bệnh, nhiều quá. Người ta không thèm xóa sổ những quân chết, đào ngũ, hoặc đưa đi nơi khác. Có nơi đáng lẽ còn 300 quân thì sự thực chỉ còn 100. Tướng tá tha hồ làm giàu.

Có những đoàn quân qua phía Cộng, hoặc phía Ương Tinh Vệ theo Nhật. Họ đào ngũ từng đoàn, một

sư đoàn lính gốc Tứ Xuyên, từ Bắc xuống Nam, khi vào Tứ Xuyên có 7000 người, khi rời Tứ Xuyên chỉ còn 3.000.

Là vì lính Quốc gia khổ quá, thiếu ăn, thiếu mặc, thiếu y sĩ (10.000 quân mới có một y sĩ hoặc y tá) thiếu thuốc (kì ninh thì các tương tá đem bán chợ đen), thiếu điện thoại để liên lạc, thiếu xe vận tải, thiếu khí giới. Ở ngoài mặt trận họ phải bat chuột, đào rễ cây để ăn, gặp được một đồng rác của Mỹ thì họ mừng quỳnh. Người lính nào cũng bị bệnh này hay bệnh khác, sốt rét, kiết lỵ, lao, ghẻ lở...

Còn sĩ quan của họ đi tham quan ngoại quốc thì kẻ nào cũng chở từng xe cam nhông xa xỉ phẩm vẽ, giày dép, đồ lót mình, phấn, nước hoa, đĩa hát, máy hát, có kẻ đeo trong mình bốn chục chiếc đồng hồ!

Các sĩ quan ngoại quốc đều nhận rằng lính Trung Hoa can đảm, có sáng kiến, lanh lợi, hề được đủ ăn, đủ mặc, đủ thuốc men, được đối đãi như con người chứ không phải con thú thì chiến đấu còn giỏi hơn lính Nhật. Chỉ bọn chỉ huy của họ là bê bối, vô nhân đạo, vô trách nhiệm, làm cho chính phủ Dân Quốc suy sụp.

Tướng Giới Thạch biết hay không những bê bối đó? Nếu không biết được hết thì cũng biết được một phần. Vì những cố vấn Mỹ của ông như Stillwell đã có lần phàn nàn với ông, đòi ông đuổi bộ trưởng chiến tranh Hà Ứng Khâm đi. Nhưng biết mà không làm gì được cả. Kẻ có tội đều là nhóm thân tín của ông, đuổi hết thì làm việc với ai? Dùng ai để thay họ? Biết ai đáng tin mà dùng?

Cho nên từ khi lên Trùng Khánh, ông không ra khỏi dinh bằng đá và hầm bọc sắt của ông, cứ một

mình trầm ngâm suy nghĩ ra hết chỉ thị này đến sắc lệnh khác, chẳng cần hỏi ý kiến ai, có khi sắc lệnh ban chiều trái ngược với sắc lệnh ban sáng.

Ông rất thích nghe đĩa *Cầu nguyện Thánh Mẫu* (Ave Maria), và ông viết được cuốn *Destinées de la Chine* (*Vận mệnh của Trung Hoa*). Tôi không thấy sách Trung Hoa nào nói về cuốn này cả, không biết tên Trung Hoa của nó.

Theo Brieux, Lévy thì trong cuốn đó ông đề cao những đức của Khổng học : nhân, nghĩa, lễ, trí, tín, (ngũ thường) đạo quân thần, phụ tử, phu phụ, huynh đệ, bằng hữu (ngũ luân). Rồi ông đưa ra một kế hoạch kinh tế, không thiết thực chút nào cả. Ông bảo phải kỹ nghệ hóa Trung Quốc, phải xây dựng những gì. Bấy trang đặc nhưng con số, đại khái như dưới đây :

Xây 140.000 cây số đường xe lửa, cứ 10 năm xây 20.000 cây số,

1 triệu cây số đường lộ

14 triệu tấn tàu thủy

Tạo 40 triệu mã lực

9 triệu máy điện thoại

120.000 phi cơ

7.617.210 xe hơi (tính xác thế!)

Đào tạo 206.000 kỹ sư (tại sao không phải là 200.000 hoặc 210.000 ?)

232.500 y sĩ (tại sao lại lẻ như vậy ?)

55.000 kỹ sư.

.....

Ông còn đi vào chi tiết nữa, mỗi năm phải sản

xuất bao nhiêu đậu xanh (Petit pois), bao nhiêu găm xe đạp (!)...

Ông dẫn lời trong Kinh Lễ, trong *Quản tử*, khen vua Vũ, nhà Hạ là kinh tế gia đầu tiên của nhân loại... Ông bàn rộng ra cả về nhân chủng học, ngôn ngữ học, luật học...

Ông cho in 200.000 bản¹ bắt tất cả các công chức sĩ quan, giáo sư phải mua đọc rồi ghi lên nhận xét, ký tên, trình lên ông, bắt tất cả các sinh viên phải học, đem ra thảo luận - Cấm chỉ trích dĩ nhiên

Giọng ông rất gay gắt khi mặt sát ngoại nhân Anh, Pháp, Mĩ, đã làm cho Trung Quốc suy vi mà ông đương phải nhờ cậy họ. Các công chức cao cấp đọc xong, đâm hoảng, vội lên lút thu hồi các bản đã phát hành, nhưng còn đâu nữa!

Cuốn đó sau được in lại, sửa chữa rất nhiều, bày bán ở Mỹ; Philip Jaffe dịch ra tiếng Pháp (Amiot - Dumont - Paris, 1949) và phê bình. Lúc đó người Mĩ mới được đọc nó, hết cảm tình với Tưởng và bỏ rơi Tưởng khi Tưởng thua Mao, Tưởng phải bay qua Đài Loan.

Ông "đổi không gian lấy thời gian". Không gian ông đã mất nhiều, mà thời gian ông cũng bỏ phí. Trong mấy năm đầu ở Trùng Khánh, ông không chuẩn bị được gì cả, quân đội của ông mất tinh thần, kĩ nghệ không thể phát triển được, mỗi ngày mỗi nghèo. Ông hi vọng ở Anh, Mĩ, Pháp cứu ông để diệt Nhật, chứ tự ông thì không thể làm gì được.

Khi thế chiến nổ, ông đứng về phía Trục, Anh Pháp bị Đức đánh tới bởi tự cứu không xong. Còn Mĩ

(1) Có sách nói là hàng triệu bản, chắc là trong lần tái bản

thì không muốn tham chiến ở châu Âu, chỉ giúp Anh được ít tàu chiến, khí giới dưới hình thức là cho vay, cho mượn, nhưng không đồng thời cũng bán cho Nhật dầu lửa, sắt, manganèse, bòng mà chẳng giúp được gì cho Trung Hoa cả vì Trung Hoa đã bị bao vây rồi. Rốt cuộc Tưởng chỉ nhận được ít tiếp tế của Nga theo đường Tân Cương, thế của ông mỗi ngày một yếu.

Cộng sản ở Diên An.

Trong khi đó, Cộng sản ở Diên An mỗi ngày mỗi mạnh. Sau khi thành lập mặt trận thống nhất Mao tự do hoạt động ở Tây Bắc, ảnh hưởng của ông bắt đầu lan ra. Tướng Lâm Bưu thắng Nhật một trận khá lớn, uy thế tăng lên, dân chúng theo đông. Đảng viên được lệnh quân Nhật tới thì phải ở tại chỗ tổ chức bí mật, du kích, ám sát, phá đường, đánh cướp xe địch để lấy vũ khí. Những khu đó thành khu giải phóng. Mới đầu là khu Sơn Tây, rồi lan ra thành khu Sơn Tây - Hà Bắc - Hà Nam. Họ chế tạo súng, lựu đạn, thuốc súng, súng liên thanh, máy khâu liên thanh... Trong những khu giải phóng, họ tổ chức bầu cử, khuyến khích phát triển kinh tế, mở các tiểu công nghệ. Năm 1939, họ có 500.000 quân chính qui và du kích. Dân quân đông hơn nhiều. Những công đó phần lớn của đệ bát lộ quân.

Ở miền An Huy tân đệ tứ lộ quân (có sách gọi là đệ ngũ lộ quân) phát triển cũng rất mạnh gần như làm chủ cả miền hạ lưu sông Dương Tử. Khi họ mới thành lập trở lại, nông dân đem các khí giới cũ đã chôn giấu lại tặng. Họ tập hợp lại rất đông, chẳng bao lâu quân số từ 13.000 tăng lên 30.000 rồi 60.000. Trong tám tháng họ đánh trên 200 trận, thu được trên 1.500 súng trường, 32 súng liên thanh của Nhật.

Thấy họ phát triển mau quá, Tưởng lo ngại, coi họ

mới đáng sợ hơn Nhật, tìm cách diệt. Và đầu tháng giêng 1941, xảy ra một vụ làm toàn dân Trung Hoa phần uất. Tưởng Giới Thạch ra lệnh cho họ bỏ khu vực họ đang hoạt động ở phía Nam sông Dương Tử mà vượt sông đó, lên phía bắc tập hợp với đạo quân thứ VIII (của Cộng). Họ không hiểu tại sao lại bỏ khu vực đó cho Nhật chiếm trở lại, nhưng họ cũng vẫn tuân lệnh. Cuối 1940 họ bắt đầu lui quân, đầu tháng giêng 1941, ở phía Nam sông Dương Tử chỉ còn 8.000 quân với những cán bộ trong bản dinh, ban chính trị, y tế... Khi họ mới lên đường, tới một khúc hẻm trong núi thì bị 80.000 quân (của Tưởng) phục kích. Viên chỉ huy, Yeh Ting (?) bị bắt sống, Viên phó mất tích, 8000 người bị giết. Chính phủ Trùng Khánh làm thinh. Nhưng tờ báo Cộng sản ở đó (vì Mao đặt một phái bộ ở Trùng Khánh do Chu Ân Lai chỉ huy, Chu được thế giới nhận là một nhà ngoại giao giỏi, nhã nhặn, tươi cười, lễ độ, bình tĩnh mà thông minh) bất chấp cơ quan kiểm duyệt, cứ đăng đủ chi tiết. Viên chủ nhiệm tờ báo bị bắt. Chu Ân Lai nhận mọi việc do ông cả, ông chịu trách nhiệm. Tưởng không dám giam Chu sợ toàn dân Trung Hoa và cả thế giới nữa cho rằng ông không lo đánh Nhật mà chỉ lo diệt Cộng. Ông tuyên bố với thông tin viên ngoại quốc rằng đạo quân đó có ý làm phản, nên phải diệt.

Một thông tin viên ngoại quốc, Archibald Kerre bảo thẳng với một sĩ quan cấp tá của Tưởng "Thật là một chuyện ghê tởm."

Từ đó mặt trận thống nhất chỉ có danh mà không có thực. Cả hai bên đều giữ miệng. Tưởng không nghĩ tới chuyện kháng Nhật nữa, lại lo bao vây Cộng.

Giai đoạn sau, trong thế chiến 1941-1945.

"Sáng ngày mùng 8 tháng 12-1941, đường phố

Trùng Khánh ồn ào náo nhiệt lên, có tiếng rao của trẻ bán báo : "Số đặc biệt". Thiên hạ đổ xô ra mua rồi tụ họp nhau bàn tán.

"... Cả Hội đồng quân sự hoan hỉ, Tưởng Giới Thạch sung sướng tới nỗi hát một điệu tuồng cổ và cho chạy đĩa hát Ave Maria suốt ngày. Các công chức Quốc dân đàng mặt mày tươi rói, chúc mừng nhau riu rít. Họ cho đó là một thắng lợi lớn, họ chỉ mong có vậy thôi mong Mĩ đánh Nhật! A, bây giờ thì Mĩ và Nhật choảng nhau rồi! Trung Hoa lại sắp hóa ra quan trọng hơn nữa. Tiền bạc và khí giới Mĩ sắp tuôn vào, Mĩ sắp cho vay và cho mượn nữa tỉ, trợn một tỉ chứ không phải là số tiền bần tiện như trước nữa".

Han Suyin (Hàn Tú Anh) - tác giả cuốn *Một mùa hè vắng bóng chim*¹ - lúc đó ở Trùng Khánh, đã ghi lại nỗi vui mừng của chính quyền Quốc gia như trên, sau khi hay tin phi cơ Nhật chỉ trong mấy giờ, sáng ngày 7.12.41, tiêu diệt trọn hạm đội mạnh nhất của Mĩ ở Thái Bình Dương, đậu tại Trân Châu cảng (Pearl Harbour), quần đảo Hawai² Thế là Mĩ tuyên chiến với Nhật, Đức, Ý và từ nay Trung Hoa, Mĩ, Anh phải liên kết với nhau. Trung Hoa thua tức là Mĩ, Anh cũng thua. Trung Hoa cảm chân được 20.000 quân Nhật thì đỡ cho Mĩ, Anh 20.000 quân địch. Một phi trường Trung

(1) Hàn Tú Anh, *Một mùa hè vắng bóng chim*, Nguyễn Hiến Lê dịch, NXB Hội Nhà văn, 1990

(2) Theo J.J Servan Schreiber trong cuốn *Le Défi mondial* Paris 1980, thì Tổng Thống Mỹ Roosevelt đã hi sinh hạm đội đó để như Nhật, Nhật diệt hạm đội đó thì dân chúng Mĩ mới phần uất, cho ông quyền được tham chiến bên cạnh Đồng minh. Từ đầu thế chiến, dân Mĩ vẫn chỉ muốn trung lập và ông đã hứa với dân sẽ trung lập để họ bầu ông trong nhiệm kỳ thứ ba, điều đó rất đặc biệt, chưa tổng thống nào được vinh dự ấy.

Hoa, một xưởng chế tạo khí giới của Trung Hoa vào tay quân Nhật... đều thiệt hại cho cả Mĩ và Anh.

Đầu năm 1942, Mĩ, Anh long trọng mời Trung Hoa vào phe Đồng minh và xóa bỏ hết các điều ước bất bình đẳng từ trước để cảm ơn Trung Hoa. Bỗng nhiên Trung Hoa thành một trong bốn đại cường: Mĩ, Nga, Anh, Trung... Về vang cho Trung Hoa, nhất là cho Tưởng biết bao !

Nhật thắng rất mau. Từ 1927, họ đã có một kế hoạch làm chủ Đông Á, do nam tước Tanaka, bộ trưởng bộ chiến tranh trình lên Nhật hoàng. Họ đã thực hiện được một phần kế hoạch đó: chiếm Triều Tiên, Mãn Châu, lấn vào Hoa Bắc, làm chủ được miền bờ biển Hoa Trung và Hoa Nam.

Nay diệt được hạm đội Mĩ ở Pearl Harbour, họ chiếm Hương Cảng, Phi Luật Tân, Mã Lai, Bornéo, đánh chìm hai chiến hạm lớn của Anh (Repulse và Prince of Wales), đổ bộ lên Singapour... Ở lục địa, họ làm chủ Đông Dương, Thái Lan, Miến Điện, tiến tới biên giới Ấn Độ. Chưa bao giờ trong lịch sử nhân loại có một cuộc chiến thắng chớp nhoáng, rực rỡ như vậy. Cuộc chiến thắng của Đức ở Pháp năm 1940 không thấm vào đâu.

Nhưng Nhật không ngờ rằng càng chiếm được nhiều đất xa thì sức càng yếu đi, mà sức quật cường của Mĩ trong khi đó tiến rất nhanh. Lại thêm nỗi tại hậu phương tức Trung Hoa, Nhật chưa bình định được: Trung Hoa được Mĩ, Anh viện trợ rất nhiều, có tướng Mĩ Stillwell làm tư lệnh tối cao cho mặt trận Trung Hoa, phụ tá cho Tưởng Giới Thạch.

Thực ra, về phía Dân Quốc, Nhật không có gì phải

lo cho lắm, Tưởng vẫn theo chủ trương kẻ thù số một là Cộng, Nhật chỉ là kẻ thù thứ nhì, đòi Mĩ, Anh viện trợ thật nhiều, nhưng để dành đó đánh Cộng, còn Việc đánh Nhật thì lơ là, để cho Mĩ lo gần hết.

Năm 1942, Nhật kêu gọi Tưởng liên kết với mình diệt thực dân da trắng, lập khu vực Đại Đông Á. Ông Tinh Vệ ở Nam Kinh làm tay sai cho Nhật, dụ dỗ phe Tưởng và phe Tưởng cũng có một số người nghe vì thấy Mĩ, Anh thua Nhật liểng xiểng.

Năm 1943, Quốc dân đảng dùng một thủ đoạn đại quỉ quyệt. Khi bị Nhật tấn công, nhiều đơn vị Quốc dân đảng được phép đầu hàng Nhật. Rồi nhiều tướng tá đào ngũ, đem khí giới qua chính quyền bù nhìn của Ông Tinh Vệ. Như vậy đỡ phải nuôi các quân đó, mà gởi Ông - tức Nhật - nuôi giùm rồi sau này dùng họ để đánh Nhật. Nhật cũng có lợi trước mắt: bớt được một số địch, thêm được một số quân trên mặt trận Trung Hoa, như vậy có thể rút bớt quân để đem chiếm đánh các nơi khác ở Đông Á.

Có khi Nhật dùng ngay những quân đầu hàng đó để đánh Cộng sản, Tưởng càng mừng nữa: Mĩ không thể trách vào đâu được.

Như vậy năm 1943, có tới 42 tướng, 70 sĩ quan cấp tá và 500.000 quân lính quốc gia đưa qua mặt trận Nhật, giảm chiến phí cho Tưởng được bội. Thủ đoạn của Tưởng đó, Brieux và Han Suyin đều chép theo báo Cộng sản. Tôi không dám chắc là đúng hẳn, nhưng quả thực là quân của Tưởng qua Ông khá đông.

Cùng năm đó, Tưởng tính rút quân trên mặt trận chống Nhật để tấn công đạo quân thứ VIII của Cộng sản; sau đó lại thôi, vì sợ dư luận quốc tế, mà cũng vì

tướng của Tưởng sợ tài du kích của Cộng sản, không chịu đưa quân ra trận.

Các quân nhân Mi thấy chính sách của Tưởng như vậy, tinh thần của tướng Quốc gia như vậy, nên bất bình, tỏ vẻ khinh ra mặt. Người bị tướng Stillwell chê nhất là Tướng Giới Thạch: "Chính quyền Trung Hoa ở trong tay một người ngu dốt, độc đoán, bướng bỉnh, chỉ dùng sự đàn áp và tư sủng mà đứng được... Ông ta biết những sự gian lận, thối nát mà không có cách nào trừ được".

Ở khu Cộng sản, tình hình trái hẳn. Những phi công Mi thả bom Nhật mà hạ xuống khu Cộng sản thì được tiếp đón niềm nở, săn sóc rồi đưa về khu Quốc, họ được thấy một đạo quân có kỷ luật, không cướp bóc của dân, tinh thần hi sinh rất cao, nên ngạc nhiên không hiểu tại sao chính quyền họ lại giúp Tưởng. Cộng sản tuyên truyền thật khéo léo.

Năm 1942, phó tổng thống Mi Henry A. Wallace đi tham quan Trùng Khánh rồi Diên An. Khi trở về, phấn khởi lắm, vì ở Diên An, rõ ràng là người ta hăng hái kháng Nhật. Người ta không xin viện trợ máy bay, xe thiết giáp, súng đại bác mà chỉ xin plastic (chất nổ), súng trường, bazooka. Vừa chiến đấu, người ta vừa sản xuất, để tổ chức hành chánh.

Những nhận xét đó đúng, vì tôi thấy vài tác giả phương Tây cũng khen Cộng sản như vậy. Ở Diên An người ta có kỷ luật, có tinh thần hơn ở Trùng Khánh, không tham nhũng, và năm 1942, Mao chỉ dùng du kích chiến thì xin máy bay và xe thiết giáp để làm gì? Nhưng có lẽ đó chỉ là bề ngoài.

Theo tập Nhật kí 1942-1945 của người Nga -

Vladimirov, một phái viên liên lạc của Quốc tế Cộng sản bên cạnh ban chấp hành Trung Ương Cộng sản Trung Hoa ở Diên An (Bản dịch của Hà Nội) thì Mao cũng quá quắt lắm. Cộng sản Trung Hoa trước sau bao giờ cũng mong cho Nhật quấy phá Tưởng để Tưởng yếu đi. (Coi vụ Mãn Châu), năm 1937, do lòng dân mong mỏi mà Tưởng và Mao lập mặt trận thống nhất chống Nhật, nhưng chỉ hơn một năm sau, mặt trận đó hữu danh mà vô thực, cả hai bên đều giữ miếng nhau, lơ là việc đánh Nhật, bảo toàn lực lượng để sau sẽ diệt lẫn nhau, và năm 1939, họ đồng tình phá sự thống nhất. Từ đó Cộng cũng lo đánh Quốc hơn là đánh Nhật, cùng trồng và bán thuốc phiện cho Nhật. Đặng Bảo Sơn là vua thuốc phiện ở khu Cộng; Mao cũng ngầm ra lệnh cho Tân tứ quân tiếp xúc với viên chỉ huy quân đội chiếm đóng Nhật... Tóm lại, là cùng dùng tất cả những thủ đoạn của Tưởng. Có lẽ chỉ kín đáo hơn thôi, người Mi không biết được.

Năm 1944, Mi lấy lại được các đảo ở Thái Bình dương, tinh bao vây Nhật, Nhật vội vàng mở trước một ngã thoát, tấn công ồ ạt Trung Hoa, chiếm trọn Hà Nam, một tỉnh giàu nhất miền Bắc, rồi hai đạo quân cùng tiến theo xe lửa Quảng Châu - Hán Khẩu, một khởi hành từ Nam, một khởi hành từ Bắc, gặp nhau ở Trường Sa, cắt Trung Hoa làm hai. Họ dẹp hết quân Trung Hoa trong khu vực từ đường sắt đó ra tới biển. Cuối năm đó, Mi mất hết căn cứ ở miền Đông Nam Trung Hoa.

Ở Trùng Khánh là một cảnh hoảng loạn chưa từng thấy. Kẻ giàu có thì đem vàng mua vé máy bay để trốn. Trên các đường lại có hàng triệu người tản cư như năm 1937, chết đói, chết rét...

Quân đội tan rã. Sĩ quan chỉ nghĩ tới lợi riêng, sát phạt nhau để chiếm một miền phì nhiêu; quân lính chỉ lo cướp bóc dân chúng.

Ở Diên An dân chúng rất bình tĩnh kháng Nhật, không suy sụp về kinh tế; nhờ quân, dân cùng chung sức nhau khai thác đất đai, mục súc. Thấy vậy, Nhật cho phe Quốc không đáng lo chút nào cả, đem toàn lực lượng để dẹp cộng, dùng cả hơi độc. Cả hai bên đều thiệt hại nặng ở Hà Bắc. Chiếm được khu nào, Nhật tàn phá mùa màng, khủng bố nhân dân, phá hết các đồ đạc, dụng cụ, đốt hết lúa thóc. Có những thị trấn trên 150.000 người bị san thành bình địa, như thị trấn Thường Đức ở Hồ Nam.¹

Cộng sản phản công, đem những lực lượng rất hùng hậu hạ đồn Nhật, diệt Hán gian. Cả hai bên đều dùng chính sách khủng bố. Quân của Uông Tinh Vệ đào ngũ, qua phía cộng. Lần lần, Cộng lấy lại được thế mạnh, cùng nổi dậy, đánh du kích quân Nhật ở khắp nơi, lập được những khu giải phóng ở bờ biển để đội quân Đồng minh đổ bộ lên.

Một tờ báo Nhật nhận định đúng tình hình đó, viết: "Kẻ thù chính của chúng ta là cộng sản. Họ biết gây ý thức quốc gia và quyết chiến với ta. Còn quân Trùng Khánh thì mất hết ý chí chiến đấu rồi".

Nhưng qua 1945, áp lực của Mĩ càng ngày càng làm cho Nhật thêm khốn. Tháng 4, Mĩ đổ bộ lên Okinawa, tháng 6 chinh phục đảo đó. Tháng 7 giải phóng hoàn toàn Phi Luật Tân.

(1) Tỉnh Hồ Nam này năm 1941 mất mùa rồi lại bị nạn châu chấu, dân đói quá phải ăn lá cây, một cân lá giá năm viên. Trên đường rải rác xương người, có tới ba triệu người chết đói.

Quân Trung Hoa cả hai phe biết rằng chiến tranh sắp chấm dứt, phấn khởi lên, phản công, chiếm lại nhiều thị trấn, phi trường trong các tỉnh Hồ Bắc, Hồ Nam, Chiết Giang, thu lại nhiều đất đai ở Quảng Tây, Phúc Kiến, dồn quân Nhật qua Đông Dương và chiếm Móng Cáy.

Mĩ trút bom xuống các đô thị, trung tâm kỹ nghệ, hải cảng Nhật, khi Đức đầu hàng rồi, Mĩ càng lo giải quyết gấp với Nhật. Ngày 29.7 chính phủ Nhật bác bỏ tối hậu thư của ba nước Mĩ, Anh, Trung Hoa. Tối hậu thư đó thảo ra sau cuộc hội nghị ở Postdam, chỉ cho Nhật lựa một trong hai điều: đầu hàng không điều kiện hoặc bị tiêu diệt.

Trong mấy tháng đó, Tưởng càng muốn lấy lòng Mĩ, tỏ ra tự do, dân chủ, thay đổi vài nhân viên trong chính quyền, dùng lại Tống Tử Văn mà người Mĩ tin cậy, cho làm chủ tịch viện Hành chánh tức như Thủ tướng. Giao bộ thông tin cho Vương Thế Kiệt⁽¹⁾ một người liêm khiết được cảm tình của Mĩ và ra lệnh nới tay trong việc kiểm duyệt. Ông ta cho bầu lại Ủy viên hội đồng hành chánh và Ủy viên hội đồng giám sát.

Phe tả hi vọng được nhiều đại biểu trong chính quyền. Nhưng Tưởng đã lập sẵn một danh sách 480 ứng cử viên cho quốc dân tự ý gạt bỏ 20 người.² Chỉ có 200 người chịu lời bỏ phiếu chỉ định đó. Tưởng lại còn ra lệnh mỗi cử tri phải kí tên lên lá phiếu của mình. Tới mức đó thì chỉ có vài người can đảm không bỏ phiếu, còn bao nhiêu tuân lệnh răm rắp. Thế là đảng của Tưởng thắng, tay sai của Tưởng vẫn ngồi đầy

(1) Tôi không thấy chữ này trong *Từ Hải* và *Từ Nguyên*.

(2) Cộng sản cũng dùng lối bỏ phiếu đó.

trong các cơ quan từ quân đội tới đại học. Toàn quốc ghê tởm trò đó.

Rồi hai trái bom nguyên tử nổ ở Nhật, Nhật đầu hàng không điều kiện.

*
* *

G- LẠI NỘI CHIẾN - TƯỚNG THUA

Hai bên chạy đua nước rút.

Bỗng nhiên, Tưởng được cái danh là thắng Nhật, cứu quốc. Sự thực ông chỉ đứng về phe thắng Nhật thôi, nhưng dân tộc Trung Hoa cũng đã phải hi sinh tới 3 triệu người.

Năm đó ông 58 tuổi (1887-1945), ngôi sao của ông lên đến cực điểm. Cả nước tưng bừng, mà các nhà cầm quyền Quốc và Cộng thì tíu tít. Tới lúc phải chạy nước rút để chiếm cho được thật nhiều đất “thử xem rồi đây thiên hạ về ai?”

Theo thỏa hiệp giữa các Đồng minh ở Yalta thì Nga sẽ giải giới Nhật ở Mãn Châu, còn từ Vạn lý trường thành trở xuống, Trung Hoa sẽ giải giới. Tức thì Chu Đức (tướng Cộng) ra lệnh cho quân đội chiếm tất cả những nơi có quân Nhật từ sông Dương Tử lên tới trường thành, rồi tiến lên Mãn Châu, Mông Cổ để hợp với quân Nga. Còn Tưởng thì ra lệnh cho đạo quân thứ VIII và thứ IV của Cộng không được dời chỗ, và ra lệnh cho Nhật chỉ được giao khí giới cho quân Quốc gia.

Tướng lại đánh điện mời Mao đến Trùng Khánh

thương thuyết. Mao đòi những thị trấn lớn nào có khá đông Cộng sản thì bên cạnh thị trưởng Quốc dân đảng thêm một phó thị trưởng Cộng sản. Tưởng không chịu, muốn Trung Quốc là một quốc gia thống nhất, các tỉnh trưởng phải tùy thuộc trung ương, Mao cũng không chịu, lấy lẽ rằng Trung Quốc có nhiều miền rất khác nhau, nên dùng chính thể liên bang, mỗi địa phương có quyền tự trị rộng rãi.

Sau cùng, ngưng cuộc thương thuyết, Quốc đã chiếm được nhiều đất rồi, muốn giải quyết bằng vũ khí cho mau.

Trong mấy năm kháng Nhật (1938-1945) lực lượng của Quốc suy đi mà của Cộng thì mạnh hơn. Khi Nhật đầu hàng, Cộng đã làm chủ gần hết Hoa Bắc, trừ những thị trấn lớn, nhiều miền ở Hoa Trung và một số điểm ở Hoa Nam. Năm 1935 họ chỉ có 30.000 quân thì bây giờ họ có 910.000 quân chánh qui với hai triệu dân quân. Khi nhờ sự đồng tình của Nga, họ chiếm được Mãn Châu thì toàn thể số dân họ kiểm soát được là 130 triệu. Đảng viên của họ lên tới 1.200.000. Sức mạnh của họ về quân số, ngang với Quốc rồi. Võ khí còn kém nhưng họ có kinh nghiệm hơn, có tinh thần chiến đấu, được lòng dân hơn. Còn về phía Quốc thì được cái danh là một trong tứ hay ngũ cường, nhưng quân đội và công chức đã mất sự hăng hái buổi đầu, nhiều kẻ hóa tham nhũng, mà kinh tế suy đến cùng cực rồi. (Coi nạn lạm phát nói ở trên).

Nhưng năm 1946, Tưởng được Mĩ giúp rất nhiều: đủ các thứ phi cơ phóng pháo lớn nhỏ, vận tải; hàng ngàn cam nhông, xe lửa, tàu chiến nữa... để chở quân đội quốc gia lên phía Bắc mà giải giới Nhật cho mau trước khi Cộng tới.

Ở Hoa Trung, Cộng phải rút lên Mãn Châu, lên

Từ Xuyên. Họ cũng được Nga giúp đỡ nhưng ít. Nga không nhiều phương tiện như Mi, và lại Nga muốn giữ lời hứa với Đồng minh Mi, Trung Hoa, không muốn ra mặt giúp Cộng. Có thể còn do lẽ Staline không ưa Mao, cho thử cộng sản của Mao chỉ là giả hiệu (Communitisme à la margarine: margarine là chất béo ở trong dầu như dầu đậu phụng chẳng hạn, tạm thay bơ - beurre - chất béo ở trong sữa bò), vì Mao không theo đúng thuyết của Marx - dùng thợ thuyền để làm cách mạng, mà dùng nông dân. Nông dân dù bán cố nông đi nữa thì cũng con óc tư hữu không thực là cách mạng; lại thêm cách mạng của Mao có tính cách quốc gia - nationaliste - chỉ giải phóng quốc gia thôi, thiếu tinh thần quốc tế.

Nga chỉ giúp Mao được hai việc:

1- Tước khí giới của Nhật rồi giao cho Mao (những thị trấn ở Mãn Châu thì giao lại cho Tưởng) còn các nhà máy, đường xe lửa thì Nga chở hết về nước để kiến thiết lại xứ sở.

2- Phái thống chế Timochenko qua dạy cho quân đội Cộng cách chiếm các thị trấn lớn, các đường xe lửa, làm cơ sở cho Cộng trong mặt trận ở Mãn Châu và ở Hoa Nam; phái thống chế Joukov - người đã thắng Đức - qua huấn luyện du kích quân của Mao đánh những trận chính chiến (hai bên dàn quân thành mặt trận). Tóm lại, Nga chỉ giúp về chiến thuật và vũ khí giải giới của Nhật thôi.

Vì vậy năm 1946, Quốc tiến thì Cộng phải lùi, nhưng lùi theo đúng một chiến lược khôn khéo, để cho quân của Tưởng yên ổn chiếm các thị trấn mà không kháng cự gì cả. Những thị trấn đó lần lần thành gánh nặng trên lưng Tưởng.

Sức Quốc Dân đảng tiêu ma lần vì phải chiếm đóng các thị trấn giống các đồn lũy, tự nhốt mình trong đó, các tướng tá không chịu ra khỏi mấy bức thành, sợ giao chiến, sợ bị phục kích, chung quanh thị trấn, Cộng sản tự do tổ chức thôn dã, khẩn hoang, trồng trọt.

Trong nam rút lui theo chiến lược đó, Mao dụng tâm để cho Hồ Tôn Nam chiếm Diên An. Biết Hồ sắp tới, Mao rút hết khỏi Diên An, không để lại một chút gì. Hồ vào, thấy Diên An trống rỗng, tuyên bố rằng đã chiến thắng lớn. Sau đó Cộng quân như Hồ đi một vòng lớn khắp Hoa Bắc. Hồ tới thì Lâm Bưu phải lui. Hồ quay về thì Lâm đánh. Khi Hồ mệt mỏi rồi, Hồng quân mới xung phong và giải quyết rất mau. Tháng 5-1947, Lâm Bưu dùng 300.000 quân chính qui với cả triệu dân quân, tấn công quân của Tưởng, bao vây Thẩm Dương, Trường Xuân, Cát Lâm. Quân Quốc Dân đảng chạy tán loạn, bỏ lại quân nhu, khí giới, xe cộ.

Từ đó Cộng càng mạnh lên, mà Quốc càng lụn bại. Qua tháng 9-1948 thì giai đoạn cuối cùng bắt đầu.

- Mi muốn hòa giải hai phe.

Nhưng chúng ta hãy ngưng một chút để xét thái độ của Mi trong thời này đã.

Trước khi chết, tổng thống Mi Roosevelt dặn phải răn hòa giải Quốc và Cộng cho kì được. Ông không ghét Trung Cộng, thấy họ chiến đấu vì tinh thần quốc gia và chỉ theo chính sách tán dân chủ mà ông cho là đúng. Truman lên thay ông, theo chủ trương của ông, phái Tưởng Marshall qua, thay sứ thần Hurley, mà hòa giải Quốc và Cộng. Máy lần Marshall thuyết phục hai bên đình chiến để hòa đàm. Ông lại ép Tưởng Giới

Thạch áp dụng hiến pháp đã thảo từ mười năm trước, nay sửa lại ít nhiều trọng những tự do dân chủ.

Tướng phải theo, tuyên bố hết thời kỳ huấn chính rồi, cuối tháng 10.1947 sẽ bầu cử quốc hội. Từ 21 đến 24.10, 250.000 triệu dân đi bầu 2.971 đại biểu.

Người ta lập danh sách và thẻ cử tri đảng hoàng, nhưng tới ngày bầu cử thì có người không nhận được thẻ, có người được 3-4 thẻ và dùng tất cả, không được bầu kín, mà cử tri phải ghi tên người mình muốn bầu trước mặt một ông kiểm soát viên Quốc dân đảng, 95% dân quê không biết chữ thì có người của Quốc dân đảng cầm tay vẽ cái dấu thay tên ứng cử viên A, ví dụ dấu + dân O thay tên ứng cử viên B.... việc đếm phiếu làm kín, và hai tháng sau mới có kết quả: có 2.045 ghế thì ứng cử viên chính thức (của chính phủ giới thiệu) được 1516 ghế, trong số đó Quốc dân đảng được 1342 ghế, còn 93 ghế của Đảng Dân chủ, 81 ghế của đảng Tân Trung Hoa.

Đảng cộng sản không dự.

Di nhiên Tưởng được bầu làm Tổng thống: 2430 phiếu, địch thủ của ông là Chu Chang (?): 269 phiếu. Lí Tôn Nhân làm phó Tổng thống. Thủ tướng là Ông Văn Hạo.

Marshall thấy trò bịp bợm đó của Tưởng chán nản báo:

“Không thể cải cách gì được với con người phản động (néactionnaire) đó”. Chắc Tưởng cũng chê lại Marshall là ngây thơ.

Trước sau, Quốc và Cộng họp nhau hai ba lần để Marshall tìm cách hòa giải nhưng làm sao hòa giải được ? Khi Tưởng mạnh thì Tưởng muốn nuốt Mao, mà

khi Mao mạnh thì Mao cũng muốn diệt Tưởng. Lê tự nhiên như vậy.

- Bây giờ ta trở lại *cuộc tranh hùng* của Tưởng và Mao.

Từ tháng 9.1948, Cộng ồ ạt tấn công. Chỉ trong ba tháng, Lâm Bưu chiếm được trọn Mãn Châu. Thiên Tân, rồi Bắc Kinh bị hạ trong hai tuần. Hoa Bắc vào trong tay Cộng, toàn là do công của Lâm Bưu.

Ông Văn Hạo từ chức Thủ tướng. Tôn Khoa vốn có cảm tình ít nhiều với Cộng (vì nhận rằng Mao theo đúng chủ nghĩa dân sinh của cha) được Tưởng cử lên thay Hạo, hy vọng thương thuyết được với Cộng, nhưng Mao đưa ra 8 điều kiện gắt quá. Tưởng không sao chấp nhận được.

Chiếm trọn Hoa Bắc rồi, Cộng tiến xuống Hoa Nam. Ngày 10.1.49 Tưởng đem hết lực lượng ra đánh canh bạc cuối cùng, tức trận Hoài Hải (Huai Hai) mà các nhà quân sự cho là một trong những trận lớn trong lịch sử hiện đại (có thể ví với trận Waterloo của Napoléon) ở khoảng 150 cây số phía Tây Bắc Nam Kinh. Chính Tưởng lựa địa điểm đó mặc dầu các chiến thuật gia của ông can ngăn, ông tung vào đó nửa triệu quân mà Trần Nghị và độc long tướng quân Lưu Bá Thừa chặt ra từng khúc, rồi bao vây. Một đạo quân của Tưởng tới cứu, với rất nhiều khí giới nặng, nhưng khi hay tin Tưởng tính thả bom tiêu diệt tất cả thì quân Quốc dân đảng đầu hàng Cộng. Vậy là trong 4 tháng từ 9-1948 tới 1-1949, Quốc mất non một triệu quân. Trận Hoài Hải lịch sử đó, tôi không thấy một sử gia nào nói tới, trừ Bianco.

Ngày 21.1 Tưởng rút lui khỏi chính quyền, giao việc nước cho Lí Tôn Nhân và Hà Ứng Khâm.

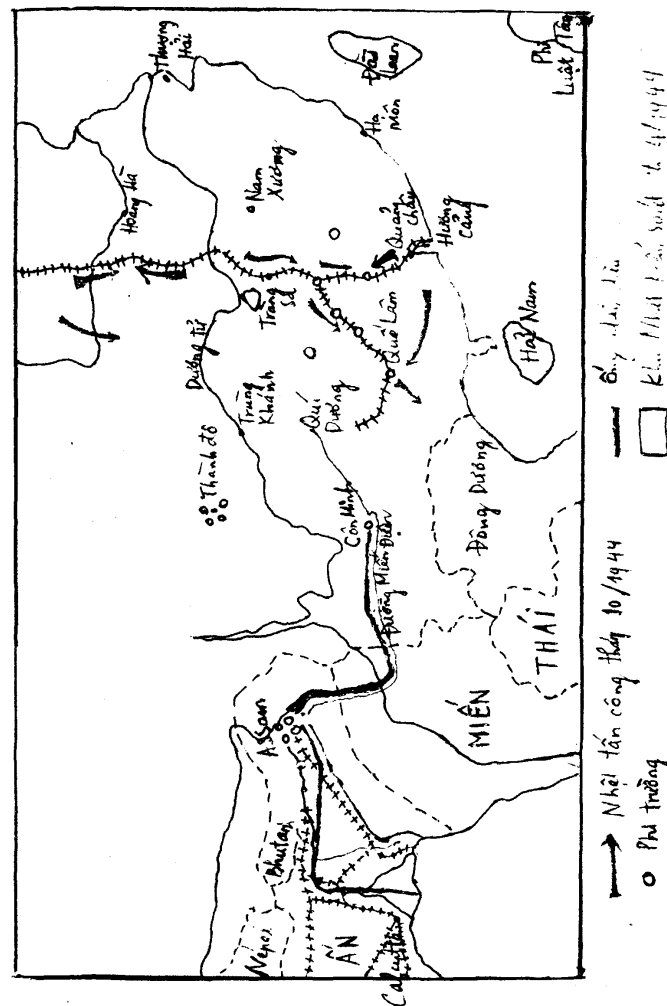
Sau đó Cộng vò Nam Kinh, (Tướng đã dời kinh đô từ Trùng Khánh xuống đó mấy năm trước) Hán Khẩu, Thượng Hải, ngừng một chút để gom lực lượng rồi vượt sông Dương Tử. Chỉ trong hai ngày mà 300.000 người qua được con sông rộng 1.600 thước đó.

Từ đây quân của Lâm Bưu tiến như vũ như bão, còn nhanh hơn quân Cộng sản Việt Nam đầu năm 1975 nữa. Có ngày vượt 45-50 cây số. Trùng Sa đầu hàng ngày 4.8, Phúc Châu bị chiếm ngày 17.8, Quảng Châu ngày 15.10. Rồi tới Trùng Khánh, Thành Đô, Côn Minh. Tàn quân của Tưởng chạy qua Đông Dương hoặc trốn ở Hải Nam (đảo này sau bị Mao chiếm).

Ngày 1.10.49 Mao tuyên bố thành lập nước cộng hòa nhân dân Trung Hoa, Mao làm chủ tịch. Ngay hôm sau 2.10 Nga đoạn tuyệt với chính phủ Dân quốc, thừa nhận chính phủ Cộng hòa Nhân dân. Tiếp theo là các nước cộng sản ở Đông Âu : Roumanie, Bulgarie, Hongarie... Ngày 21.12. Mao qua Moscou (lần đầu tiên ông ta ra khỏi nước) để chúc thọ thất tuần của Staline và ký một hiệp ước tương trợ 30 năm với Nga. Anh do dự ít lâu rồi cũng thừa nhận để bảo vệ quyền lợi ở Hương Cảng.

Sau khi từ chức Tổng thống, Tưởng về thăm quê hương rồi lên thăm Trùng Khánh, sang Phi Luật Tân, Ấn Độ tham thủ tướng hai nước đó, bà Tổng Mĩ Linh cũng qua Mi xin giúp đỡ, nhưng không được một kết quả gì cả.

Map trên Trung Hoa - MIỀN - AN
trong thế chiến II



Cuối năm 1949, Tưởng bay qua Đài Loan, mang theo vàng trong kho và những bảo vật, mĩ nghệ ở Bắc Kinh. Quân đội còn được 2-3 trăm ngàn người theo ông qua đó.

Năm 1938 ông ta khôn khéo lựa tỉnh Tứ Xuyên để trốn. Lần này ông cũng sáng suốt, lựa Đài Loan ở trong hệ thống chiến lược của Mĩ. Mĩ sẽ không bỏ nó, tức không bỏ ông.

Mới ba năm trước, ông ta được toàn dân hoan hô, ngưỡng mộ thì bây giờ bị 85% dân chúng (theo Han Suyin) từ bỏ, oán ghét đến xương tủy. Mĩ đã bỏ vào Trung Hoa bao nhiêu tỉ đô la, còn bị ghét hơn nữa. Phong trào bài Mĩ phát sinh từ tháng giêng năm 1947 trong giới sinh viên. Nguyên nhân là "tụi Mĩ đi tới đâu là mở ổ điểm tới đó. Họ là một đạo quân chiếm đóng, hành động như một đạo quân chiếm đóng... Cái gì họ cũng có quá nhiều, họ bán số thừa thãi để lấy tiền... Có một số đàn bà giao thiệp với họ để kiếm son bôi môi, hàng lụa, vợ nilông, thức ăn. Họ mua quít, hành hạ kẻ nào họ không ưa. Thành phố nào cũng hóa ra thôi tha. Mọi người đều ghét họ, cả những người rút rĩa tiền của họ... Họ muốn làm gì thì làm, chửi người ta, đâm đá cu li, buộc cu li phải chạy đua như bầy thú vật" (Han Suyin trong *Một mùa hè nắng bóng chim*).

Chính quyền Mĩ không thấy rằng hệ viện lễ giúp một chính quyền thối nát mà đưa quân vô nước đó thì chỉ làm cho chính quyền đó mau sụp đổ, vì như vậy là làm cho nổi bất bình của dân chúng tăng lên, rồi đồng hóa Mĩ với chính quyền đó. Họ đã phải cay đắng thua ở Trung Hoa mà không rút ra được một bài học, lần lần trở lại ở Việt Nam trong những năm 1965-1974

Cảnh Han Suyin tả ở trên, tôi cứ ngỡ rằng đã đọc trên một tờ báo nào ở Sài Gòn mấy năm đầu 70.

Học giả nào ở Tây phương cũng nhận rằng Tưởng có nhiều đức, có tư cách.

- Tại sao Tưởng thua :

Từ đời Tống hay trước nữa, Trung Hoa đã rất nghèo, mặc dù rất văn minh. Mỗi lần lụt lớn rồi hạn hán thì dân chết hàng ức hàng triệu người. Cảnh nông dân phải bán vợ đẻ con, đã có vài ba đứa con rồi mà sinh thêm con gái thì nhận nước cho nó chết hoặc bỏ ở bờ sông, lề đường, những cảnh đó xảy ra rất thường.

Nạn đói kinh khủng nhất xảy ra ở miền Sơn Tây Thiểm Tây năm 1978-1979 : Có tới từ 9 đến 13 triệu người chết đói. Dân các miền khác đỡ hơn, nhưng dân bất kỳ miền nào cũng lo đói : Tới gần đây mà ở Phúc Kiến người ta còn chào nhau : "Ăn cơm chưa ?"

Năm 1406 đã có những sách kể trên 400 thức ăn thay lúa gạo, như món bánh trắng làm bằng cây bông vải, cây gai, có thứ miến (bún Tàu) làm bằng bột đá nghiền thật nhỏ, trộn với đất sét, vỏ cây, rễ cây Năm 1946, những sách đó đã được in lại, như vậy có nghĩa là tình trạng chưa được cải thiện gì nhiều.

Hề đói quá thì không còn lễ nghĩa, nhân đạo gì cả.

Trong cuốn *Origines de la révolution chinoise*, Bianco chép lại vài truyện rất bi thảm. Trong một gia đình nọ ở ranh giới hai tỉnh Tứ Xuyên và Thiểm Tây, người cha chết, mà người mẹ cũng suy nhược lắm rồi. Các con bàn với mẹ đừng chôn cha vội, có thể mẹ cũng không sống được tới mùa hè, trước khi thầy của cha hồi thổi; như vậy sẽ chôn cả hai một lần, đỡ tốn kém.

Mẹ bàng lòng, và các con đặt quan tài vô trong phòng lạnh nhất : phòng mẹ nằm; rồi chất đá lên trên nắp quan tài để chó khỏi ăn xác.

Họ nghèo nên dành bố chữ hiếu, mà lo cho người sống trước đã.

Chuyện chó ăn xác người, cũng như chuyện khoét thịt trẻ con, cả người lớn, không còn làm cho ai nữa.

Truyện thứ nhì do các nhà truyền giáo Mi kể lại : Một thiếu niên nhà nghèo quá, cha mẹ bán cho một gia đình không con. Sáu năm sau gia đình này sanh được một đứa con trai, bèn đuổi đứa con nuôi đi. Nó lang thang đi xin ăn cả tháng trong miền, chỉ còn xương bọc da. Cũng chỉ vì nghèo quá mà không còn chút tình người.

Truyện thứ ba : Một nông dân mới bị bắt lính không biết kỷ luật nhà binh bị lính canh kêu lại, chỉ vì trả lời trễ mà bị một viên đạn vào phổi.

Trung Hoa là xứ của đạo Khổng, một đạo rất nhân ái, mà người ta tàn nhẫn như vậy, coi đời sống nông dân không bằng đời sống một con trâu, một con ngựa...

Theo Han Suyin (trong sách đã dẫn) ¹ tuy theo Tưởng Giới Thạch ở Trùng Khánh, có lần nông dân bị bắt làm trâu giữa mùa cấy hay mùa gặt, nên nổi loạn. 2000 người bị giết. Lần khác 6.000 nông dân bị bắt lính đưa lên Tây Bắc tới nơi thì chỉ còn có 700 sống sót.

Chúng ta đã biết năm 1938, Tưởng cho phá đê Hoàng Hà để chặn quân Nhật, Nhật không bị chặn, mà một triệu dân chết vì lụt.

(1) Cuốn *Un été sans oiseaux*.

Chính Han Suyin đêm tối đi đỡ đẻ cho vợ một phu xe. Họ ở trong một cái chòi cát trên lề đường. Sản phụ nằm trên một tấm ván kê lên mấy cục đá giữa một chỗ nhơ nhớp, hôi thối. Không có một ngọn đèn, đứa nhỏ sanh ra, không có một cái tã để quấn. Han Suyin phải cho họ một chiếc khăn bông để quấn nó.

Cùng theo Han Suyin, ở Tứ Xuyên cứ hai người thì có một người nghiện. Chưa bằng một lần bà đi qua ở miền Quý Châu : làng có vài ba trăm nóc nhà, nhà nào cũng tiêu tụy sắp đổ nát, và người dân nào cũng nghiện, y như những bộ xương biết đi. Bà thương hại đồng bào của bà "sống như loài vật trên một non sông tuyệt đẹp".

Lời đó khiến tôi nhớ lại cảm tưởng của tôi lần đầu tiên coi một tấm hình kéo ghe chụp vào khoảng sau 1940, in ở trang 384 cuốn *East Asia - The Modern transformation* (1965) Hai chục người sắp làm hai hàng. Người nào tay phải cũng nắm kéo một sợi dây, vai trái quàng vào sợi dây để lòi. Họ cúi gập làm đôi, mặt gằm xuống, bàn tay trái chấm đất. Ở trên nhìn xuống chỉ thấy hai dãy lưng trần, không nhận ki thì tưởng là lưng một bày cừu.

Han Suyin còn kể nhiều cảnh thương tâm nữa, tôi không thể chép hết được.

Đời sống của họ nhục nhã, điều đứng như vậy mà Tưởng Giới Thạch, không lo cải thiện cho họ thì họ ùn ùn theo Mao là phải. Tới khi chính quân đội của Tưởng thiếu ăn, thiếu máy, thiếu thuốc uống, cũng bỏ Tưởng nữa thì Tưởng sụp đổ tức thì. Đó mới là nguyên nhân chính, còn những nguyên nhân khác Tưởng vô tài, bất lực, tay sai của Tưởng tham nhũng... chỉ là phụ.